

CHÍNH PHỦ  
Số: 67/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2007

## NGHỊ ĐỊNH

### Về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội

## CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;  
Căn cứ Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em ngày 15 tháng 06 năm 2004;  
Căn cứ Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 06 năm 2006;  
Căn cứ Pháp lệnh về người tàn tật ngày 30 tháng 07 năm 1998;  
Căn cứ Pháp lệnh Người cao tuổi ngày 28 tháng 04 năm 2000;  
Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 08 năm 2000;  
Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

## NGHỊ ĐỊNH:

### Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1.** Nghị định này quy định chính sách và chế độ trợ giúp cho các đối tượng xã hội có hoàn cảnh khó khăn, gọi chung là đối tượng bảo trợ xã hội.

**Điều 2.** Các chế độ trợ cấp, trợ giúp cho đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng, đúng mục tiêu. Việc trợ cấp, trợ giúp được thực hiện chủ yếu tại gia đình và cộng đồng nơi đối tượng bảo trợ xã hội sinh sống. Mức trợ cấp, trợ giúp được thay đổi tùy thuộc vào mức sống tối thiểu của dân cư.

**Điều 3.** Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài tự nguyện giúp đỡ đối tượng bảo trợ xã hội.

## **Chương II**

### **ĐỐI TƯỢNG BẢO TRỢ XÃ HỘI**

**Điều 4.** Đối tượng bảo trợ xã hội thuộc diện trợ cấp hàng tháng do xã, phường, thị trấn quản lý gồm:

1. Trẻ em mồ côi cả cha và mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, mất nguồn nuôi dưỡng; trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ nhưng người còn lại là mẹ hoặc cha mất tích theo quy định tại Điều 78 của Bộ luật Dân sự hoặc không đủ năng lực, khả năng để nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật; trẻ em có cha và mẹ, hoặc cha hoặc mẹ đang trong thời gian chấp hành hình phạt tù tại trại giam, không còn người nuôi dưỡng; trẻ em nhiễm HIV/AIDS thuộc hộ gia đình nghèo.

Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi nhưng đang đi học văn hóa, học nghề, có hoàn cảnh như trẻ em nêu trên.

2. Người cao tuổi cô đơn, thuộc hộ gia đình nghèo; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con, cháu, người thân thích để nương tựa, thuộc hộ gia đình nghèo (theo chuẩn nghèo được Chính phủ quy định cho từng thời kỳ).

3. Người từ 85 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội.

4. Người tàn tật nặng không có khả năng lao động hoặc không có khả năng tự phục vụ, thuộc hộ gia đình nghèo.

5. Người mắc bệnh tâm thần thuộc các loại tâm thần phân liệt, rối loạn tâm thần đã được cơ quan y tế chuyên khoa tâm thần chữa trị nhiều lần nhưng chưa thuyên giảm và có kết luận bệnh mãn tính, sống độc thân không nơi nương tựa hoặc gia đình thuộc diện hộ nghèo.

6. Người nhiễm HIV/AIDS không còn khả năng lao động, thuộc hộ gia đình nghèo.

7. Gia đình, cá nhân nhận nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, trẻ em bị bỏ rơi.

8. Hộ gia đình có từ 02 người trở lên tàn tật nặng, không có khả năng tự phục vụ.

9. Người đơn thân thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ dưới 16 tuổi; trường hợp con đang đi học văn hoá, học nghề được áp dụng đến dưới 18 tuổi.

**Điều 5.** Đối tượng thuộc diện trợ cấp xã hội quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 4 của Nghị định này thuộc diện đặc biệt khó khăn không tự lo được cuộc sống thì được xem xét tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội hoặc nhà xã hội tại cộng đồng.

#### **Điều 6.**

1. Đối tượng được trợ giúp đột xuất (một lần) là những người, hộ gia đình gặp khó khăn do hậu quả thiên tai hoặc những lý do bất khả kháng khác gây ra, bao gồm:

- a) Hộ gia đình có người chết, mất tích;
  - b) Hộ gia đình có người bị thương nặng;
  - c) Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng;
  - d) Hộ gia đình bị mất phương tiện sản xuất, lâm vào cảnh thiếu đói;
  - đ) Hộ gia đình phải di dời khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, lũ quét;
  - e) Người bị đói do thiếu lương thực;
  - g) Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú dẫn đến bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc;
  - h) Người lang thang xin ăn trong thời gian tập trung chờ đưa về nơi cư trú.
2. Ủy ban nhân dân cấp xã, bệnh viện, cơ quan, đơn vị đứng ra tổ chức mai táng cho người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị chết, gia đình không biết để mai táng.

### **Chương III**

#### **CHẾ ĐỘ TRỢ GIÚP THƯỜNG XUYỀN**

#### **Điều 7.**

1. Quy định mức chuẩn để xác định mức trợ cấp xã hội hàng tháng là 120.000 đồng (hệ số 1); khi mức sống tối thiểu của dân cư thay đổi thì mức chuẩn trợ cấp xã hội cũng được điều chỉnh theo cho phù hợp.
2. Các mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất đối với từng nhóm đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định này như sau:

Bảng 1.

Mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội

sống tại cộng đồng do xã, phường quản lý

Đơn vị tính: nghìn đồng

| TT | Đối tượng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Hệ số | Trợ cấp |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|
| 1  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 từ 18 tháng tuổi trở lên.</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 và đối tượng không có khả năng lao động quy định tại khoản 4 Điều 4 .</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 đang nuôi con từ 18 tháng tuổi trở lên.</li></ul>                                                                                                  | 1,0   | 120     |
| 2  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật; bị nhiễm HIV/AIDS.</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 4 tàn tật nặng.</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 4.</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi; từ 18 tháng tuổi trở lên bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.</li></ul> | 1,5   | 180     |
| 3  | <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 4 dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật nặng; bị nhiễm HIV/AIDS.</li><li>- Đối tượng không có khả năng tự phục vụ quy định tại khoản 4 Điều 4.</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 nhận nuôi dưỡng trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên.</li><li>- Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 có 2 người tàn tật nặng.</li></ul>                                       | 2,0   | 240     |

|   |                                                                                                                                                                                    |     |     |
|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|   | - Đối tượng quy định tại khoản 9 Điều 4 đang nuôi con dưới 18 tháng tuổi hoặc bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.                                                                   |     |     |
| 4 | Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 nhận nuôi trẻ em dưới 18 tháng tuổi; trên 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.                                                   | 2,5 | 300 |
| 5 | - Đối tượng quy định tại khoản 7 Điều 4 nhận nuôi trẻ em dưới 18 tháng tuổi bị tàn tật hoặc bị nhiễm HIV/AIDS.<br>- Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 có 3 người tàn tật nặng. | 3,0 | 360 |
| 6 | Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 4 có 4 người tàn tật nặng.                                                                                                                     | 4,0 | 480 |

Bảng 2

Mức trợ cấp xã hội hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống trong các nhà xã hội tại cộng đồng do xã, phường quản lý

Đơn vị tính: nghìn đồng

| TT | Đối tượng                                               | Hệ số | Trợ cấp |
|----|---------------------------------------------------------|-------|---------|
| 4  | Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 4 | 2,0   | 240     |

Bảng 3

Mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thấp nhất cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội:

Đơn vị tính: nghìn đồng